

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

(Hiệu lực từ 01/09/2024)

VI/ BẢO LÃNH NGÂN HÀNG (**)	
LOẠI HÌNH DỊCH VỤ	PHÍ
1. Phát hành bảo lãnh	
1.1. Dự thầu	
1.1.1. Kí quỹ toàn phần bằng tiền gửi/tiền gửi có kì hạn với PBVN	1,25%/năm (tối thiểu VND300K)
1.1.2. Kí quỹ bằng Thư bảo lãnh/Bảo lãnh dự phòng	1,5%/năm (tối thiểu VND300K)
1.1.3. Kí quỹ bằng tài sản đảm bảo khác (được PBVN chấp thuận)	1,75%/năm (tối thiểu VND300K)
1.2. Thực hiện hợp đồng	
1.2.1. Kí quỹ toàn phần bằng tiền gửi/tiền gửi có kì hạn với PBVN	1,5%/năm (tối thiểu VND300K)
1.2.2. Kí quỹ bằng Thư bảo lãnh/Bảo lãnh dự phòng	1,75%/năm (tối thiểu VND300K)
1.2.3. Kí quỹ bằng tài sản đảm bảo khác (được PBVN chấp thuận)	2,25%/năm (tối thiểu VND300K)
1.3. Tài chính	
1.3.1. Kí quỹ toàn phần bằng tiền gửi/tiền gửi có kì hạn với PBVN	1,75%/năm (tối thiểu VND300K)
1.3.2. Kí quỹ bằng Thư bảo lãnh/Bảo lãnh dự phòng	2,25%/năm (tối thiểu VND300K)
1.3.3. Kí quỹ bằng tài sản đảm bảo khác (được PBVN chấp thuận)	2,75%/năm (tối thiểu VND300K)
2. Sửa đổi	
2.1. Tăng giá trị/thời hạn hiệu lực	Như phí phát hành bảo lãnh
2.2. Sửa đổi khác	VND300K
2.3. Thông báo thư bảo lãnh của NH nước ngoài và sửa đổi	USD20/ món
3. Bảo lãnh nhận hàng	
3.1. Ký hậu vận đơn gốc	USD20/ món
3.2. Không ký hậu vận đơn gốc (Nếu bảo lãnh nhận hàng không được gửi lại trong vòng 3 tháng sẽ thu thêm 50 Đô la Mỹ)	USD50/ món

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- Toàn bộ phụ phí như phí điện tín, bưu phí, phí điện thoại, fax và phí do NH khác thực thu, nếu có, sẽ được thu thêm từ khách hàng.
- Phí thu cho các dịch vụ khách không thuộc biểu phí sẽ được cung cấp theo yêu cầu: USD 5 cộng phí thực tế phát sinh khác
- Phí áp dụng cho các tài khoản ngoại tệ khác sẽ được quy đổi từ phí đô la Mỹ theo tỷ giá hiện hành
- Ngân hàng có quyền sửa đổi và xem xét lại Biểu phí Nghiệp vụ nêu trên mà không cần báo trước.
- Với các mục được đánh dấu (**), vui lòng liên hệ Chi nhánh gần nhất để được cập nhật mức phí tại thời điểm giao dịch
- Biểu phí này chưa bao gồm VAT